TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2026/HNGĐ-ST
Ngày 29-01-2026
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Thắng

Bà Lê Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 237/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 224/2025/QĐXX-ST ngày 06 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đoàn Văn K; Sinh năm 1986 (có yêu cầu vắng mặt)
Số căn cước công dân 096086003521
Địa chỉ cư trú: Ấp TM, xã TP, tỉnh Cà Mau.
- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị P; Sinh năm 1994 (vắng mặt)
Địa chỉ cư trú: Ấp 7, xã TL, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 07/8/2025 ông Đoàn Văn K trình bày:*

Ông K và bà P tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 19/9/2014. Thời gian chung sống ông bà phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong lối sống, thường xuyên cự cải nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên ông K yêu cầu ly hôn với bà P.

Thời gian chung sống ông K và bà P có con chung tên Đoàn Thị K B, sinh ngày 06/11/2013 (giới tính nữ) và Đoàn Thị Trúc L, sinh ngày 05/4/2015 (giới

tính nữ). Khi ly hôn ông K yêu cầu tiếp tục nuôi dạy con chung nhưng không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có nên ông K không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Đoàn Văn K khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị P. Do ông bà chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Bà P có địa chỉ cư trú tại ấp 7, xã TL, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông K thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà P nhưng bà P không có văn bản ý kiến về yêu cầu của ông K và vắng mặt tại lần hòa giải, xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà P theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Ông K và bà P tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 19/9/2014. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông bà đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống ông bà phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên ông K yêu cầu ly hôn với bà P. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tổ chức hòa giải để ông bà có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do bà P vắng mặt khi hoà giải, xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho ông Đoàn Văn K và bà Nguyễn Thị P được ly hôn.

[4] Thời gian chung sống ông bà có con chung tên Đoàn Thị K B, sinh ngày 06/11/2013 (giới tính nữ) và Đoàn Thị Trúc L, sinh ngày 05/4/2015 (giới tính nữ). Xét thấy hiện con chung do ông K trực tiếp nuôi dạy nên việc hoán đổi nuôi con sẽ

ảnh hưởng đến tình cảm của con chung. Vì vậy cần tiếp tục giao con chung cho ông K nuôi dạy là phù hợp theo yêu cầu của ông K.

Ông K không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông K xác định thời gian chung sống ông bà không có tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông K phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về hôn nhân: Ông Đoàn Văn K và bà Nguyễn Thị P được ly hôn.

2.Về con chung: Bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ tiếp tục giao con chung tên Đoàn Thị K B, sinh ngày 06/11/2013 (giới tính nữ) và Đoàn Thị Trúc L, sinh ngày 05/4/2015 (giới tính nữ) cho ông Đoàn Văn K tiếp tục nuôi dạy. Bà P không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bà P không trực tiếp nuôi dạy con chung nhưng bà có quyền thăm nom con chung phù hợp với quy định pháp luật, không ai có quyền cản trở.

3.Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Đoàn Văn K phải nộp 300.000 đ *(Ba trăm nghìn đồng)*. Vào ngày 06 tháng 11 năm 2025 ông K có dự nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0004030 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

4. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thắng – Lê Thị Duyên **Nguyễn Kiều Trang**